

Sở GD và ĐT Thành Phố Đà Nẵng

Trường: THPT Đỗ Đăng Tuyển

Giáo viên soạn: Bùi Thị Tuyết

Ngày soạn: 7/1/2026

Thời gian thực hiện: tuần học 20

Lớp dạy: 10/2, 10/4, 10/6

Chủ đề 5:

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH

BÀI 22: KIỂU DỮ LIỆU DANH SÁCH

Môn: Tin học – Lớp: 10

Thời gian thực hiện: 2 tiết (1LT- 1TH)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết được kiểu dữ liệu danh sách (list), cách khởi tạo và truy cập từng phần tử của danh sách.

- Biết và thực hiện được cách duyệt các phần tử của danh sách bằng lệnh for.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý của GV để trả lời các câu hỏi.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc theo nhóm để giải quyết những yêu cầu của GV.

- Năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề: HS trả lời các câu hỏi của GV và bổ sung, đưa ra một số ví dụ minh chứng liên quan đến nội dung bài học.

2.2. Năng lực chuyên môn:

- Năng lực Tin học: Thực hành được một số phương thức đơn giản trên dữ liệu danh sách.

- Năng lực tính toán.

2.3 Phát triển các năng lực số cốt lõi:

- 3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau:

3. Phẩm chất:

- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: DÒ BÀI CŨ - KHỞI ĐỘNG (10 phút)

a. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập kiến thức cũ và muốn tìm hiểu kiểu dữ liệu danh sách

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi và dẫn dắt vào bài

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đưa ra và nêu được một số kiểu dữ liệu danh sách thường gặp trong thực tế.

d. Tổ chức thực hiện:

♦ **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi bài cũ và dẫn dắt vào bài

Em đã được học những kiểu dữ liệu cơ bản nào của python?

*Nếu cần lưu dãy các số thì các kiểu dữ liệu đã học có thực hiện được không?
Chúng ta phải sử dụng kiểu dữ liệu gì để xử lý các dữ liệu kiểu danh sách?*

Em hãy tìm một số dữ liệu kiểu danh sách thường gặp trong thực tế?

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu, suy nghĩ câu hỏi của GV đưa ra.

♦ **Báo cáo, thảo luận:** HS xung phong, hoặc gv gọi ngẫu nhiên, các HS khác nhận xét

♦ **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

+ Kiểu số nguyên int(): -10; 5

+ Kiểu số thực float(): 7.7; 2/3

+ Kiểu chuỗi ký tự str(): "A"; "a"; "hello"

+ Kiểu logic bool(): True; False

+ Dữ liệu kiểu danh sách:

- Danh sách học sinh: Nguyễn An; Bùi Thị Tuyết; Bùi Chinh, Võ Minh Vương

- Danh sách số tự nhiên: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9

- Danh sách điểm thi cuối kì: 7; 8.4; Không đạt; Đạt; 4; 5; 5.7

- GV nhận định: Em đã được học những kiểu dữ liệu cơ bản của Python như số nguyên, số thực chuỗi ký tự kiểu dữ liệu logic. Tuy nhiên, khi em cần lưu một dãy các số hay một danh sách học sinh thì cần kiểu dữ liệu dạng danh sách (còn gọi là dãy hay mảng). Kiểu dữ liệu danh sách được dùng nhiều nhất trong Python là kiểu list

Trong thực tế, dữ liệu kiểu danh sách vd như: Danh sách học sinh lớp; dãy số....

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (35 phút)

2.1. KIỂU DỮ LIỆU DANH SÁCH (15 phút)

a. Mục tiêu:

- Biết cách khởi tạo dữ liệu danh sách, cách truy cập, thay đổi giá trị và xóa một phần tử trong danh sách.

- 3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau: HS tự thao tác được bằng các hướng dẫn (sử dụng kiểu dữ liệu danh sách) để máy tính xử lý một tập hợp dữ liệu.

b. Nội dung: GV giao Phiếu học tập số 1, số 2 và yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 1, số 2).

d. Tổ chức thực hiện:

♦ **Giao nhiệm vụ:**

- Mỗi phiếu học tập thực hiện trong vòng 5 phút.

- GV chia lớp thành 8 nhóm (các nhóm đề cử 1 nhóm trưởng, 1 thư ký).

- GV đã chuyển phiếu học tập qua zalo nhóm lớp để tất cả học sinh soạn bài, chuẩn bị bài trước khi học.

Tùy khả năng từng lớp mà GV có thể phân công nhóm làm slide thuyết trình, đến tiết học chuyển phiếu vào google driver, phân cho mỗi nhóm 1 câu thảo luận và trực tiếp dùng điện thoại nhập câu trả lời vào phiếu hoặc in phiếu học tập, cho các nhóm làm vào phiếu. Phân nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu 1: Quan sát các lệnh sau để tìm hiểu kiểu dữ liệu danh sách. <pre>>>> A = [1,2,3,4,5] >>> B [1.5, 2, "Python", "List", 0] >>> A[0] 1 >>> B[2] "Python"</pre> <i>Có thể truy cập từng phần tử của danh sách thông qua cái gì?</i> <i>Chỉ số của list bắt đầu đánh số từ bao nhiêu?</i>	
Câu 2: Quan sát các lệnh sau để biết cách thay đổi hoặc xóa phần tử của danh sách <pre>>>> A = [1,2,3,4,5] >>> len(A) 5 >>> A[1] = "One" >>> A [1, 'One', 3, 4, 5] >>> del (A[4]) >>> A [1, 'One', 3, 4]</pre> <i>Lệnh len(A) # dùng để làm gì?</i> <i>Lệnh A[1] = "One" # Lệnh này có ý nghĩa gì?</i> <i>Lệnh del (A[4]) # dùng để làm gì?</i>	
Câu 3: Quan sát các lệnh sau: <pre>>>> a = [] >>> len(a) 0 >>> [1,2] + [3,4,5,6] # ghép hai danh sách [1, 2, 3, 4, 5, 6]</pre> <i>Giải thích ý nghĩa từng dòng lệnh?</i>	
Câu 4: Cho danh sách A = [1, 0, “One”, 9, 15, “Two”, True, False]. Hãy cho biết giá trị các phần tử: a) A[0] b) A[2] c) A[7] d) A[len(A)]	
Câu 5: Giả sử A là một danh sách các số, mỗi lệnh sau thực hiện gì? a) A = A + [10] b) del (A[0]) c) A = [100] + A d) A = A[1] *25	

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- GV chỉ định lần lượt nhóm 4,5,6,7 lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, nhận xét câu trả lời trên phiếu của nhóm bạn, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:**

- Khởi tạo kiểu dữ liệu danh sách:

Cú pháp:

$\langle \text{tên list} \rangle = [\langle v_1 \rangle, \langle v_2 \rangle, \dots, \langle v_n \rangle]$

- Trong đó: Các giá trị $\langle v_k \rangle$ có thể có kiểu dữ liệu khác nhau (số nguyên, số thực, xâu kí tự...).

- Danh sách của Python có thể gồm các phần tử có kiểu dữ liệu khác nhau.

vd:

- Khởi tạo kiểu dữ liệu danh sách:

A=[1,2,3,4,5]

B=[1.5,2,"python","List",0]

- Truy cập từng phần tử của danh sách: A[0], A[1], A[2], A[3], A[4]

- Tính độ dài của danh sách: len(A) #5

- Gán giá trị cho phần tử: A[1]=10 #Danh sách A=[1,10,3,4,5]

- Xóa phần tử của danh sách: del A[2] #Danh sách A=[1,10,4,5]

- Tạo danh sách rỗng: B=[] #Danh sách []

- Ghép 2 danh sách: [1,2]+[3,4,5] #Danh sách [1,2,3,4,5]

Ghi nhớ:

- List là kiểu dữ liệu danh sách (dãy, mảng) trong Python. Tạo list bằng lệnh gán với các phần tử trong cặp dấu ngoặc []. Các phần tử của danh sách có thể có các kiểu dữ liệu khác nhau. Truy cập hoặc thay đổi giá trị của từng phần tử thông qua chỉ số:

$\langle \text{danh sách} \rangle [\langle \text{chỉ số} \rangle]$

- Chỉ số của danh sách bắt đầu từ 0 đến len() – 1, trong đó len() là lệnh tính độ dài danh sách.

2.2 DUYỆT CÁC PHẦN TỬ CỦA DANH SÁCH (10 phút)

a. *Mục tiêu:*

- Giúp HS biết được lệnh duyệt các phần tử trên danh sách bằng lệnh for.
- 3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau: HS tự thao tác được bằng các hướng dẫn (sử dụng kiểu dữ liệu danh sách) để máy tính xử lý một tập hợp dữ liệu.

b. *Nội dung:* GV cho học sinh quan sát các đoạn lệnh python qua phiếu học tập 3 để học sinh hiểu cách duyệt các phần tử của danh sách.

c. *Sản phẩm:* Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 3).

d. *Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:**

- GV phát Phiếu học tập số 3 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 3 trong thời gian là 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1: Duyệt và in từng phần tử của danh sách. <pre>>>> A = [1,2,3,4,5] >>> for i in range(len(A)): print (A[i], end = " ") 1 2 3 4 5</pre> Quan sát kết quả, nhận xét biến i chạy trên vùng có chỉ số bao nhiêu?	
Câu 2: Duyệt và in một phần của danh sách. <pre>>>> A = [3, 2, 1, 5, 6, 10, 7, 12, 18] >>> for i in range(2,5): print (A[i], end = " ")</pre> Cho biết kết quả đoạn chương trình trên. Lệnh for kết hợp với lệnh range() dùng để làm gì?	
Câu 3: Giải thích các đoạn chương trình sau thực hiện công việc gì? a) <pre>>>> S = 0 >>> for i in range(len(A)): if A[i] > 0: S = S + A[i] >>> print(S)</pre> b) <pre>>>> C = 0 >>> for i in range(len(A)): if A[i] > 0: C = C + 1 >>> print(C)</pre>	
Câu 4: Cho dãy các số nguyên A, viết chương trình in ra các số chẵn của A	

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.
- GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình ở câu 1,2 các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận. Gv kết luận nội dung ghi

nhớ, sau đó cho 2 nhóm ngẫu nhiên tiếp theo trình bày kết quả kiểm định câu 3,4 trên máy hoặc điện thoại.

♦ **Kết luận, nhận định:**

Ghi nhớ:

Có thể duyệt lần lượt các phần tử của danh sách bằng lệnh for kết hợp với vùng giá trị của lệnh range().

2.3 THÊM PHẦN TỬ VÀO DANH SÁCH (10 phút)

a. Mục tiêu:

- Giúp HS Biết cách thêm phần tử vào danh sách.

b. Nội dung: GV cho học sinh quan sát các đoạn lệnh python qua phiếu học tập 4 để học sinh hiểu cách thêm phần tử vào danh sách.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của các nhóm (Phiếu học tập số 4).

d. Tổ chức thực hiện:

GV dẫn dắt: Python có những lệnh đặc biệt để thêm phần tử vào một danh sách. Các lệnh này được thiết kế riêng cho kiểu dữ liệu danh sách và còn được gọi là phương thức (method) của danh sách.

♦ **Giao nhiệm vụ:**

- GV phát Phiếu học tập số 4 cho các nhóm đã phân công và yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập số 4 trong thời gian là 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu 1: Thêm phần tử vào cuối danh sách >>> A = [1,2] >>> A.append(10) >>> A [1, 2, 10] Đoạn lệnh trên thực hiện việc gì? Cách dùng phương thức append	
Câu 2: Sau khi thêm một phần tử vào danh sách A bằng lệnh append() thì độ dài danh sách A thay đổi như thế nào?	
Câu 3: Danh sách A sẽ như thế nào sau các lệnh sau? >>> A = [2,4,10,1,0] >>> A.append(100) >>> del(A[1])	

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Nhiệm vụ 1: HS nghiên cứu SGK, suy nghĩ và xung phong trả lời câu hỏi GV đưa ra. Nếu HS không trả lời được, GV có thể gợi ý và hỗ trợ.

- Nhiệm vụ 2:

+ Các nhóm thảo luận để hoàn thành yêu cầu của GV đưa ra.

+ GV quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết.

♦ **Báo cáo, thảo luận:**

- Nhiệm vụ 1:

+ GV gọi 1 đến 2 HS xung phong trả lời câu 1, các HS khác nhận xét, bổ sung, chỉnh sửa nếu bạn trả lời chưa hoàn chỉnh.

+ GV đánh giá kết quả trả lời của HS.

+ GV nhận định nội dung cần ghi nhớ

- Nhiệm vụ 2:

+ Các nhóm hoàn thiện câu 3,4 và nộp lại Phiếu học tập số 4.

+ GV chỉ định ngẫu nhiên đại diện 3 nhóm lên trình bày kết quả thực hiện của nhóm mình, các nhóm còn lại nhận xét, tranh luận.

♦ **Kết luận, nhận định:**

Ghi nhớ:

• Python có một số lệnh dành riêng (phương thức) cho dữ liệu kiểu danh sách. Cú pháp các lệnh đó như sau:

<danh sách>.<phương thức>

• Lệnh thêm phần tử vào cuối danh sách là <danh sách>.append()

Hoạt động 4: Thực hành: **Khởi tạo, nhập dữ liệu, thêm phần tử cho danh sách (30 phút)**

a. *Mục tiêu:* Rèn kỹ năng lập trình

b. *Nội dung:* HS quan sát SGK, phiếu nhiệm vụ thực hành làm việc nhóm trên máy tính.

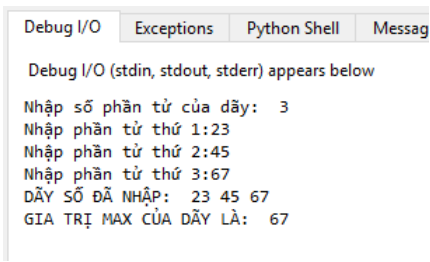
c. *Sản phẩm:* HS hoàn thành bài thực hành trên máy tính.

d. *Tổ chức thực hiện:*

♦ **Giao nhiệm vụ:** Cho các nhóm thực hiện trên máy tính các nhiệm vụ có trong phiếu nhiệm vụ thực hành.

PHIẾU NHIỆM VỤ THỰC HÀNH

Nhiệm vụ 1. Nhập số n từ bàn phím, sau đó nhập danh sách n tên các bạn lớp em và in ra danh sách các tên đó, mỗi tên trên một dòng.	
Nhiệm vụ 2. Nhập một dãy số từ bàn phím. Tính tổng, trung bình của dãy và in dãy số trên một hàng ngang	

Nhiệm vụ 3: Cho dãy số A. Tìm giá trị lớn nhất có trong dãy A	
---	--

- ♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu, thực hành trên máy.
- ♦ **Báo cáo, thảo luận:** HS nêu kết quả thực hành đạt được.
- ♦ **Kết luận, nhận định:**
 - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hành.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

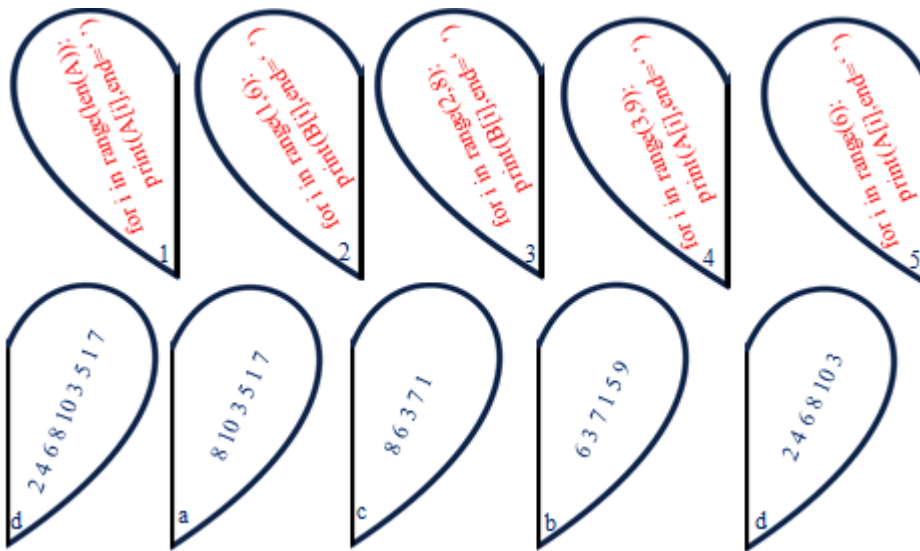
- Mục tiêu:* Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.
 - Nội dung:* HS vận dụng các kiến thức đã học để trả lời một số câu hỏi thông qua trò chơi MẢNH GHÉP
 - Sản phẩm:* Bài làm của học sinh, kỹ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.
 - Tổ chức thực hiện:*
 - ♦ **Giao nhiệm vụ:** - GV tổ chức cho HS làm bài tập
- Nhóm 1,2 :

Bài 22. KIỂU DỮ LIỆU DANH SÁCH

A=[2,4,6,8,10,3,5,1,7] N=['tìm',2,5,'hoc',3,6]
B=[4,8,6,3,7,1,5,9,10] P=[1,4,'thực',7,'hành']
M=[]

1 2 3 a b c

Nhóm 3,4 :



♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** - HS quan sát, suy nghĩ câu hỏi của GV đưa ra..

♦ **Báo cáo, thảo luận:** HS nêu kết quả đạt được.

♦ **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

b. **Nội dung:**

c. **Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

d. **Tổ chức thực hiện:**

♦ **Giao nhiệm vụ:**

Gv đưa câu hỏi về nhà:

Cho dãy số A nguyên. Viết chương trình tìm số lớn thứ k có trong dãy A. K nguyên dương nhập từ bàn phím?

♦ **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu, thực hành bài tập ở nhà

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu 1: Quan sát các lệnh sau để tìm hiểu kiểu dữ liệu danh sách. <pre>>>> A = [1,2,3,4,5] >>> B [1.5, 2, "Python", "List", 0] >>> A[0] 1 >>> B[2] "Python"</pre> <i>Có thể truy cập từng phần tử của danh sách thông qua cái gì?</i> <i>Chỉ số của list bắt đầu đánh số từ bao nhiêu?</i>	Giải thích kết quả: - Có thể truy cập từng phần tử của danh sách thông qua chỉ số. - Chỉ số của list đánh số từ 0
---	--

Câu 2: Quan sát các lệnh sau để biết cách thay đổi hoặc xóa phần tử của danh sách <pre>>>> A = [1,2,3,4,5] >>> len(A) 5 >>> A[1] = "One" >>> A [1, 'One', 3, 4, 5] >>> del (A[4]) >>> A [1, 'One', 3, 4]</pre> Lệnh <code>len(A)</code> # dùng để làm gì? Lệnh <code>A[1] = "One"</code> # Lệnh này có ý nghĩa gì? Lệnh <code>del (A[4])</code> # dùng để làm gì?	<pre>>>> len(A) - Tính độ dài danh sách >>> A[1] = "One" - Thay đổi giá trị của từng phần tử bằng lệnh gán >>> del (A[4]) - Lệnh del để xóa một phần tử của danh sách</pre>
Câu 3: Quan sát các lệnh sau: <pre>>>> a = [] >>> len(a) 0 >>> [1,2] + [3,4,5,6] # ghép hai danh sách [1, 2, 3, 4, 5, 6]</pre> Giải thích ý nghĩa từng dòng lệnh?	<pre>>>> a = [] # Lệnh tạo 1 danh sách rỗng, có độ dài bằng 0 >>> len(a) # Tính độ dài danh sách a >>> [1,2] + [3,4,5,6] # ghép hai danh sách</pre>
Câu 4: Cho danh sách <code>A = [1, 0, "One", 9, 15, "Two", True, False]</code>. Hãy cho biết giá trị các phần tử: a) <code>A[0]</code> b) <code>A[2]</code> c) <code>A[7]</code> d) <code>A[len(A)]</code>	a) <code>A[0] = 1</code> b) <code>A[2] = "One"</code>, c) <code>A[7] = False</code> d) <code>A[len(A)]</code> lỗi chỉ số
Câu 5: Giả sử <code>A</code> là một danh sách các số, mỗi lệnh sau thực hiện gì? a) <code>A = A + [10]</code> b) <code>del (A[0])</code> c) <code>A = [100] + A</code> d) <code>A = A[1] * 25</code>	a) <code>A = A + [10]</code> Bổ sung phần tử 10 vào cuối danh sách b) <code>del (A[0])</code> Xóa phần tử đầu tiên của danh sách c) <code>A = [100] + A</code> Bổ sung số 100 vào đầu ds <code>A</code> d) <code>A = A[1] * 25</code> Biến <code>A</code> mới là tích của 25 với phần tử thứ 2 của ds <code>A</code>

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1: Duyệt và in từng phần tử của danh sách. <pre>>>> A = [1,2,3,4,5] >>> for i in range (len(A)): print (A[i], end = " ") 1 2 3 4 5</pre> Quan sát kết quả, nhận xét biến <code>i</code> chạy trên vùng có chỉ số bao nhiêu?	Biến <code>i</code> chạy trên vùng chỉ số từ 0 đến <code>len(A) - 1</code>
--	---

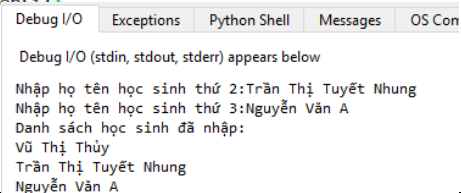
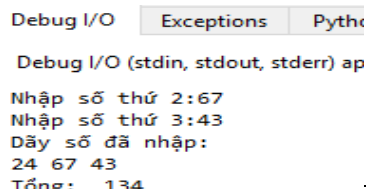
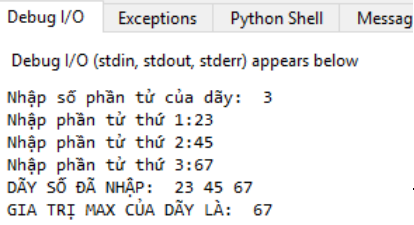
Câu 2: Duyệt và in một phần của danh sách. <pre>>>> A = [3, 2, 1, 5, 6, 10, 7, 12, 18] >>> for i in range(2,5): print (A[i], end = " ")</pre> Cho biết kết quả đoạn chương trình trên. Lệnh for kết hợp với lệnh range() dùng để làm gì?	1 5 6 Lệnh for kết hợp với lệnh range() dùng để duyệt từng phần tử của danh sách.
Câu 3: Giải thích các đoạn chương trình sau thực hiện công việc gì? a) <pre>>>> S = 0 >>> for i in range(len(A)): if A[i] > 0: S = S + A[i] >>> print(S)</pre> b) <pre>>>> C = 0 >>> for i in range(len(A)): if A[i] > 0: C = C + 1 >>> print(C)</pre>	a) Tính tổng các số dương trong danh sách A b) Đếm các số dương có trong danh sách A
Câu 4: Cho dãy các số nguyên A, viết chương trình in ra các số chẵn của A	<pre>▶ A=[1,3,5,6,7,8,23,45,44] for i in range(len(A)): if A[i] % 2 ==0: print(A[i],end = " ")</pre>

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu 1: Thêm phần tử vào cuối danh sách <pre>>>> A = [1,2] >>> A.append(10) >>> A</pre> [1, 2, 10] Đoạn lệnh trên thực hiện việc gì? Cách dùng phương thức append	Đoạn lệnh thực hiện việc thêm giá trị 10 vào cuối danh sách. Cách dùng phương thức append(): <tên biến danh sách> . append(<giá trị thêm vào>)
Câu 2: Sau khi thêm một phần tử vào danh sách A bằng lệnh append() thì độ dài danh sách A thay đổi như thế nào?	Độ dài danh sách A tăng lên 1 đơn vị

Câu 3: Danh sách A sẽ như thế nào sau các lệnh sau? >>> A = [2,4,10,1,0] >>> A.append(100) >>> del(A[1])	2 10 1 0 100
--	--------------

PHIẾU NHIỆM VỤ THỰC HÀNH

Nhiệm vụ 1. Nhập số n từ bàn phím, sau đó nhập danh sách n tên các bạn lớp em và in ra danh sách các tên đó, mỗi tên trên một dòng.	<pre> dslop=[] n=int(input("Nhập số học sinh: ")) for i in range(n): name=input("Nhập họ tên học sinh thứ "+str(i+1)+":") dslop.append(name) print("Danh sách học sinh đã nhập:") for i in range(len(dslop)): print(dslop[i]) </pre> 
Nhiệm vụ 2. Nhập một dãy số từ bàn phím. Tính tổng, trung bình của dãy và in dãy số trên một hàng ngang	<pre> A=[] T=0 n=int(input("Nhập số tự nhiên n: ")) for i in range(n): num=int(input("Nhập số thứ "+str(i+1)+":")) A.append(num) T=T+num print("Dãy số đã nhập: ") for i in range(n): print(A[i], end=" ") print() print("Tổng: ",T) print("Trung bình ",T/n) </pre> 
Nhiệm vụ 3: Cho dãy số A. Tìm giá trị lớn nhất có trong dãy A	<pre> A=[] n=int(input("Nhập số phần tử của dãy: ")) for i in range(n): num=int(input("Nhập phần tử thứ "+str(i+1)+":")) A.append(num) max=A[0] print("Dãy số đã nhập: ",end=" ") for i in range(n): print(A[i],end=" ") if max<A[i]: max=A[i] print() print("GIA TRỊ MAX CỦA DÃY LÀ: ",max) </pre> 

PHIẾU HỌC TẬP 4

Câu 1. Viết lệnh xóa phần tử cuối cùng của danh sách A bằng lệnh del	=> del(A[n-1])
Câu 2. Có thể thêm một phần tử vào đầu danh sách được không? Nếu có thì nêu cách thực hiện.	Có A=[giá trị phần tử cần thêm] +A

Câu 3. Cho biết kết quả của đoạn lệnh sau? <pre> A=[1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9] for i in range (1, 5): print(A[i], end= “ ”) </pre>	=> 2 3 4 5
Câu 4. Kết quả của chương trình sau là gì? <pre> >>>A=[2,4,3,6,5] >>>S=0 >>>for i in range(len(A)): >>> if A[i] %2==0: >>> S=S+A[i] >>>print(S) </pre>	=> 12

